

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                          |                                                            |                                            |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 163/2025/KT-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA</b><br><b>EXAMINATION REPORT</b> | Ngày/ Date: 24/01/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                        |                                                                                                                                                 |                            |
|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                             | <b>CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN CHD VIỆT NAM</b><br>Số 17, Dãy 13 căn lô 3, Khu 98 căn, Khóm 1, Phường 1, Thị xã<br>Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh |                            |
| 2. Địa chỉ kiểm tra:<br><i>Place of inspecting:</i>                    | PTN - ETSC                                                                                                                                      |                            |
| 3. Đối tượng kiểm tra:<br><i>Type of inspecting:</i>                   | Sào tiếp đất trung thế/ <i>Medium voltage grounding pole</i>                                                                                    |                            |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i> | 03 thiết bị/ <i>03 Devices</i> ; Di động ngoài công trường/ <i>Mobile off-site</i>                                                              |                            |
| 5. Phương pháp kiểm tra:<br><i>Method of inspecting:</i>               | ETSC/KĐ/QT-06; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN 9628-1:2013;<br>TCVN 5587:2008 (IEC 60855:1985); Tài liệu kỹ thuật NSX                                |                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                     | 22÷23/01/2025                                                                                                                                   |                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                         | Loại/ <i>Type:</i>                                                                                                                              | Sào nối đất ngắn mạch 10kV |
|                                                                        | Số chế tạo / <i>Seri No</i>                                                                                                                     | 03                         |
|                                                                        | Điện áp sử dụng/ <i>AC. Use voltage:</i>                                                                                                        | 10 kV                      |
|                                                                        | Chiều dài/ <i>Length:</i>                                                                                                                       | 3x1.000mm                  |
|                                                                        | Tiết diện/ <i>Section:</i>                                                                                                                      | 3x30mm <sup>2</sup>        |
|                                                                        | Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>                                                                                                       | 05/2023                    |
| 8. Phương tiện kiểm tra:<br><i>Inspecting equipment:</i>               | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50; HZXC-10HZJ.                                                                                                          |                            |
|                                                                        | 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                                                                    |                            |
| 10. Kết quả kiểm tra:<br><i>Inspecting result:</i>                     | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                                 |                            |
|                                                                        | 11. Tem kiểm tra:<br><i>Testing stamp No:</i>                                                                                                   |                            |
| 12. Kết luận<br><i>Conclusion</i>                                      | 91/25/ETSC                                                                                                                                      |                            |
|                                                                        | Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ <i>The inspection criteria are consistent with the regulations</i>                                 |                            |
| 13. Thời hạn kiểm tra lần sau:<br><i>Next test date</i>                | 01/2026                                                                                                                                         |                            |

**Người Thực Hiện**  
*Executor***Trần Văn Minh****Nguyễn Quốc Hoàn**

KĐ/QT-06/M1

Ban hành lần 2



|                          |                                                            |                                            |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 163/2025/KT-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA</b><br><b>EXAMINATION REPORT</b> | Ngày/ Date: 24/01/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ *Check out the outside condition*: Bình thường/ *Normal*

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ *Check geometric dimensions*:

| Stt<br>No | Đối tượng<br>Object          | Đơn vị<br>Unit | Công bố của nhà sản xuất<br>Manufacturer's<br>announcement | Kết quả<br>Result |
|-----------|------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1         | Chiều dài sào/ <i>Length</i> | mm             | 1.000                                                      | 1.000/1.000/1.000 |
| 2         | Đường kính/ <i>Diameter</i>  | mm             | 30                                                         | 29,85/29,86/29,88 |

10.3 Điện trở cách điện/ *Insulation resistance*:

| Đối tượng<br>Object | Trước khi thử cao thế/<br><i>Before trying so high</i><br>(MΩ) | Sau khi thử cao thế/<br><i>After trying so high</i><br>(MΩ) | Đánh giá<br>Evaluate |
|---------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|
| Pha - Vỏ (Case)     | > 50 000                                                       | > 50 000                                                    | Đạt/ <i>Pass</i>     |

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ *Industrial frequency alternating voltage*:

| Đối tượng<br>Object | U (kV)    | t (minutes) | Mức quy định<br>Standard level | Kết quả<br>Result                                    |
|---------------------|-----------|-------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|
| Phase - Vỏ (Case)   | 30kV/30cm | 5           | Chịu được/ <i>Pass</i>         | Không phóng điện/ <i>No<br/>discharge inspection</i> |